

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TÂN UYÊN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/KDTM-ST  
Ngày: 18-8-2022  
V/v Tranh chấp hợp đồng  
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Lài.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Tống Văn Tâm;
2. Bà Nguyễn Hạnh Toàn.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 11/2022/TLST-KDTM ngày 22/02/2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-KDTM ngày 08/7/2022, quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-KDTM ngày 29/7/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty B; trụ sở: Thửa đất số 351, tờ bản đồ số 7, khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Bùi Trương D, sinh năm 1998; địa chỉ liên hệ: Số 78A Đại lộ Bình Dương, khu 7, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo uỷ quyền (theo giấy uỷ quyền ngày 21/01/2022); có mặt.

2. Bị đơn: Công ty P; địa chỉ: Thửa đất số 602, tờ bản đồ số 14, đường ĐX 06, khu phố H, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn T - Chức vụ: Giám đốc; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện đề ngày 21/01/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Bùi Trương D trình bày:*

Ngày 31/8/2019, giữa Công ty B và Công ty P có thỏa thuận mua bán với nhau mặt hàng là các thanh nẹp giấy, thùng carton. Sau khi bị đơn gọi điện thoại

đặt hàng thì hai bên sẽ ký hợp đồng mua bán với nhau sau đó nguyên đơn sẽ xuất hóa đơn, giao hàng. Sau 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn bị đơn phải thanh toán tiền cho nguyên đơn. Theo thỏa thuận nguyên đơn đã giao đầy đủ số lượng và đã xuất 04 hóa đơn giá trị gia tăng VAT cho Công ty P, cụ thể: Hóa đơn số 0000303 ngày 31/8/2019; Hóa đơn số 0000403 ngày 29/10/2019; Hóa đơn số 0000347 ngày 30/9/2019; Hóa đơn số 0000537 ngày 30/12/2019. Đến thời hạn thanh toán tiền theo thỏa thuận, dù Công ty B nhiều lần liên lạc bằng điện thoại, gửi công văn và gặp trực tiếp để yêu cầu Công ty P thanh toán nợ theo đúng thời hạn thỏa thuận nhưng Công ty P không thanh toán làm ảnh hưởng đến tài chính của Công ty B, gây khó khăn đến việc chi trả lương cho nhân viên và thanh toán nguồn nguyên vật liệu đầu vào. Đối với Hóa đơn số 0000303 ngày 31/8/2019, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng).

Vì vậy, Công ty B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty P thanh toán số tiền gốc là 267.247.565 đồng, tiền lãi chậm thanh toán với lãi suất 0,83%/ năm trên số tiền chậm thanh toán kể từ ngày 21/01/2022 đến ngày Tòa án xét xử 18/8/2022 là 13.308.909 đồng.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của Công ty B vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty P phải thanh toán số tiền nêu trên.

Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty P không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Nguyên đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt Công ty P.

Tại Công văn số 442/ĐKKD ngày 22/4/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cung cấp thông tin: Căn cứ hồ sơ doanh nghiệp đăng ký lưu trữ tại Phòng đăng ký kinh doanh và Cơ sở dữ liệu Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Công ty P, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702299474, đăng ký lần đầu ngày 12/9/2014, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 30/3/2021; địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 602, tờ bản đồ số 14, khu phố Hóa Nhứt, phường Tân Vĩnh Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1983, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc; thường trú: Khu phố 2, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên lạc: Khu phố 2, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương chưa nhận hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ chia tách, sát nhập hay giải thể của doanh nghiệp Công ty P. Biên bản xác minh ngày 16/6/2022, Công an phường H, thành phố T cung cấp thông tin ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1983 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố 2, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; hiện nay ông Nguyễn Văn Tới vẫn còn sinh sống tại địa chỉ trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt là từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng.

- Về nội dung: Nguyên đơn đã chứng minh được có việc mua bán hàng hoá với bị đơn, hai bên đã xuất hoá đơn mua bán hàng, nguyên đơn cung cấp được chứng cứ bị đơn đã nhận hàng; bị đơn đăng ký kê khai trên bảng kê hóa đơn mua vào trong kê khai thuế quý 3, 4 năm 2019. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là tranh chấp mua bán hàng hóa phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa hai công ty có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Công ty P có trụ sở hoạt động tại phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại biên bản xác minh ngày 18/4/2022, Ủy ban nhân dân phường T cung cấp thông tin Công ty P hoạt động tại thửa đất số 602, tờ bản đồ số 14, đường DX 06, khu phố H, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Biên bản xác minh ngày 16/6/2022, Công an phường Hoà Phú, thành phố Thủ Dầu Một cung cấp thông tin ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1983 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố 2, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; hiện nay ông Nguyễn Văn T vẫn còn sinh sống tại địa chỉ trên. Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương chưa nhận hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ chia tách, sát nhập hay giải thể của doanh nghiệp Công ty P.

Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng, đã triệu tập hợp lệ bị đơn để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự và để bị đơn tiếp cận chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, chứng cứ do Tòa án thu thập được nhưng Công ty P không đến tham gia tố tụng tại Tòa án là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Công ty B yêu cầu Tòa án buộc Công ty P phải trả tổng số nợ gốc 267.247.565 đồng và tiền lãi chậm thanh toán 13.308.909 đồng.

[3] Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày đã làm thất lạc Hợp đồng mua bán hàng hoá giữa Công ty B và Công ty P; cung cấp các hoá đơn số 0000303 ngày 31/8/2019, số 0000347 ngày 30/9/2019, số 0000403 ngày 29/10/2019, số 0000537 ngày 30/12/2019 và các phiếu xuất hàng; cung cấp báo cáo thuế năm 2019, nguyên đơn có đăng ký kê khai báo cáo thuế đối với những hoá đơn nêu trên. Biên bản xác minh ngày 18/4/2022 Chi cục thuế thị xã Tân Uyên cung cấp bị đơn sử dụng các hóa đơn nêu trên để đăng ký kê khai trên bảng kê hóa đơn mua vào trong kê khai thuế quý 3, 4 năm 2019. Như vậy thực tế giữa nguyên đơn và bị đơn có sự mua bán hàng hoá với nhau dựa trên sự tự nguyện của hai bên, nội dung thỏa thuận không trái quy định pháp luật nên phát sinh hiệu lực thi hành và đã được hai bên thực hiện.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền nợ gốc 267.247.565 đồng:

Dựa vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập, Hội đồng xét xử xác định: Ngày 31/8/2019, giữa Công ty B và Công ty P đã thỏa thuận mua bán hàng hoá, nội dung Công ty B bán mặt hàng thùng carton, thanh nẹp và số lượng sản phẩm sẽ được Công ty P liệt kê theo yêu cầu thể hiện trong từng đơn hàng cụ thể. Công ty P có trách nhiệm thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày Công ty B xuất hóa đơn giá trị gia tăng.

Theo 04 hóa đơn giá trị gia tăng số 0000303 ngày 31/8/2019, số 0000347 ngày 30/9/2019, số 0000403 ngày 29/10/2019, số 0000537 ngày 30/12/2019 Công ty B đã xuất và giao cho Công ty P khối lượng hàng hóa với tổng trị giá là 397.247.565 đồng (bao gồm 10% VAT). Công ty B thừa nhận Công ty P đã thanh toán 130.000.000 đồng tiền gốc.

Tại bản Giấy xác nhận công nợ ngày 16/12/2020, người đại diện theo pháp luật của Công ty P là ông Nguyễn Văn T đã xác nhận Công ty P còn nợ Công ty B tổng số tiền 267.247.565 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn không cung cấp được bản chính của Giấy xác nhận công nợ ngày 16/12/2020. Tuy nhiên, bị đơn đăng ký kê khai trên bảng kê hóa đơn mua vào trong kê khai thuế quý 3, 4 năm 2019 đối với các hóa đơn nêu trên.

Như vậy, Công ty B đã chứng minh được có việc thỏa thuận mua bán hàng hoá về các mặt hàng là thanh nẹp, thùng giấy carton, Công ty bị đơn đã nhận hàng và cam kết thanh toán nợ nhưng không thực hiện cam kết. Do đó có căn cứ buộc Công ty P phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc 267.247.565 đồng theo yêu cầu của Công ty B.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền lãi do chậm thanh toán với lãi suất 0,83%/năm trên số tiền chậm thanh toán tính từ ngày 22/01/2022 đến ngày 18/8/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) là 13.308.909 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày ngày 13/01/2022, nguyên đơn đã gửi Thông báo số 01/TB về việc đề nghị thanh toán cho bị đơn, thời hạn trả chậm nhất là ngày 21/01/2022. Nguyên đơn không cung cấp được cho Tòa án

chứng cứ chứng minh bị đơn đã nhận được Thông báo. Tuy nhiên, nguyên đơn vẫn xác định ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 20/01/2022 (ngày nộp đơn khởi kiện) và yêu cầu tính lãi đối với số tiền gốc là từ ngày 21/01/2022. Yêu cầu này của nguyên đơn phù hợp với quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự nên ghi nhận.

[6] Tại Điều 306 Luật Thương mại quy định: “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.”

Theo kết quả xác minh về lãi suất tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Phòng Giao dịch thị xã Tân Uyên, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Phòng Giao dịch thị xã Tân Uyên và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông- Chi nhánh Tân Uyên thì mức lãi suất cho vay ngắn hạn tại thời điểm tháng 7 năm 2022 từ 10% - 12%/tháng. Như vậy, mức lãi suất của nguyên đơn yêu cầu là 0,83 %, thấp hơn mức lãi suất cho vay ngắn hạn đối với bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[7]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án.

[8] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 30, 39, 91, 147, 227, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 24, 50, 300, 301 và 306 của Luật Thương mại;

- Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty B đối với bị đơn Công ty P về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Buộc Công ty P phải thanh toán cho Công ty B tổng số tiền là 280.556.474 đồng (Hai trăm tám mươi triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm bảy mươi bốn đồng), trong đó tiền gốc 267.247.565 đồng (Hai trăm sáu mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm sáu mươi lăm đồng), tiền lãi do chậm thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 13.308.909 đồng (Mười ba triệu ba trăm lẻ tám nghìn chín trăm lẻ chín đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

## 2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Trả lại Công ty B số tiền 6.681.189 đồng (*Sáu triệu sáu trăm tám mươi một nghìn một trăm tám mươi chín đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005747 ngày 17/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Công ty P phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền 14.027.824 đồng (*Mười bốn triệu không trăm hai mươi bảy nghìn tám trăm hai mươi bốn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên.

## 3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên (để thi hành);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Lại**